**1. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép môi trường**

**1.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

| **TT** | **Trình tự** **thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:** *Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau:* | **\* Trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022-NĐ-CP (*Gọi tắt là Trường hợp 1*)**Nộp trực tuyến tại website cổng Dịch vụ công của tỉnh Đồng Tháp:  [*http://dichvucong.dongthap.gov.vn*](http://dichvucong.dongthap.gov.vn) | Không quy định *(tùy khách hàng)* |  |
| **\* Trường hợp không thuộc các đối tượng theo quy định của Trường hợp 1 (*Gọi tắt là trường hợp 2*)**1. Nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện2. Hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc hành chính (Thứ bảy làm việc buổi sáng) |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | 1. Đối với hồ sơ được nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích (Trường hợp 2). Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;- Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc *(không để quá 3 giờ làm việc)* hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 16 giờ hàng ngày |  |
| 2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh (Trường hợp 1): Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền. Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Cổng Dịch vụ công của tỉnh;- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ; đồng thời, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Không quá 0,5 ngày kể từ ngày phát sinh hồ sơ trực tuyến |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: |  |  |
| **Trường hợp 1****- Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường:****- Phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường:** | **15 ngày****10 ngày****05 ngày** |  |
| **Trường hợp 2, trong đó:****- Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường****- Phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường** | **30 ngày**25 ngày05 ngày |  |
| *1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)* | 0,5 ngày |  |
| *2. Giải quyết hồ sơ (UBND huyện), trong đó:* |  |  |
| **Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ:** Thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. | **02 ngày** |  |
| **a) Trường hợp 1** | **14 ngày** |  |
| **Giai đoạn 1: Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường** | **09 ngày**  |
| - Phòng TNMT dự thảo văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan đến dự án; dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường; Tổ thẩm định gửi kết quả bằng Bản nhận xét để Phòng TNMT tổng hợp Biên bản Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường và dự thảo Thông báo hoàn thiện hồ sơ (hoặc văn bản trả hồ sơ) đề nghị cấp giấy phép môi trường trình Lãnh đạo UBND huyện. | 07 ngày |
| - Lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt. | 1,5 ngày |
| - Văn thư *(ký số, phát hành)* | 0,5 ngày |
| Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.  |  |
| **Giai đoạn 2: Phê duyệt hồ sơ Giấp phép môi trường** |  |
| **\* Trường hợp hồ sơ cấp giấy phép môi trường chỉnh sửa đạt yêu cầu của Tổ thẩm định:** | **05 ngày** |
| - Phòng TNMT thẩm định hồ sơ kiểm tra nội dung chỉnh lý của hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo Biên bản Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường và dự thảo Tờ trình đề nghị cấp giấy phép môi trường, kể cả dự thảo Giấy phép môi trường, trình Lãnh đạo UBND huyện. | 03 ngày |
| - Lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt. | 1,5 ngày |
| - Văn thư *(ký số, phát hành)* | 0,5 ngày |
| **\* Trường hợp hồ sơ cấp giấy phép môi trường chỉnh sửa không đạt yêu cầu của Tổ thẩm định:**  | **05 ngày** |  |
| - Phòng TNMT thẩm định hồ sơ kiểm tra nội dung chỉnh lý của hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo Biên bản Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường và dự thảo văn bản trả hồ sơ, nêu rõ lý do, trình Lãnh đạo UBND huyện. | 03 ngày |  |
| - Lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt. | 1,5 ngày |  |
| - Văn thư *(ký số, phát hành)* | 0,5 ngày |  |
| **b) Trường hợp 2** | **28 ngày** |  |
| **Giai đoạn 1: Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường** | **24 ngày** |
| - Phòng TNMT: Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường trên Trang thông tin điện tử của Huyện; dự thảo văn bản tham vấn ý kiến đến cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan đến dự án; dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường; Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra gửi kết quả bằng Bản nhận xét để Phòng TNMT tổng hợp Biên bản Tổ thẩm định, Biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường và dự thảo Thông báo hoàn thiện hồ sơ (hoặc văn bản trả hồ sơ) đề nghị cấp giấy phép môi trường trình Lãnh đạo UBND huyện. | 22 ngày |
| - Lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt. | 1,5 ngày |
| - Văn thư *(ký số, phát hành)* | 0,5 ngày |
| Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. |
| **Giai đoạn 2: Phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường** | **04 ngày** |  |
| ***\* Trường hợp hồ sơ cấp giấy phép môi trường chỉnh sửa đạt yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra*** | **04 ngày** |  |
| - Phòng TNMT thẩm định hồ sơ kiểm tra nội dung chỉnh lý của hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo Biên bản Tổ thẩm định, Biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường và dự thảo Tờ trình đề nghị cấp giấy phép môi trường, kể cả dự thảo Giấy phép môi trường, trình Lãnh đạo UBND huyện. | 02 ngày |
| - Lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt. | 1,5 ngày |
| - Văn thư *(ký số, phát hành)* | 0,5 ngày |
| ***\* Trường hợp hồ sơ cấp giấy phép môi trường chỉnh sửa không đạt yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra*** | **04 ngày** |
| - Phòng TNMT thẩm định hồ sơ kiểm tra nội dung chỉnh lý của hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo Biên bản Tổ thẩm định, Biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường và dự thảo văn bản trả hồ sơ, nêu rõ lý do, trình Lãnh đạo UBND huyện. | 02 ngày |
| - Lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt. | 1,5 ngày |
| - Văn thư *(ký số, phát hành)* | 0,5 ngày |
| *Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản trả hồ sơ của UBND huyện, nộp lại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện.* |  |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính***(Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi trả cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đầy đủ theo quy định mà cơ quan có thẩm quyền trả cho tổ chức, cá nhân sau khi giải quyết xong thủ tục hành chính)* | Công chức, viên chức Tiếp nhận và Trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:- Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức, viên chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả; - Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của Bưu điện) (nếu có).- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện (bản giấy và bản điện tử) khi đi mang theo hồ sơ gốc để đối chiếu và nộp lại cho công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ. | 0,5 ngày- Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |

**1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Một (01) bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Bảy (07) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

+ Đối với Dự án đầu tư nhóm III: Theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

+ Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: Theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và kèm theo bản điện tử.

- Một (01) bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).

- Đối với hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung: Chủ dự án nộp lại một (01) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung và một (01) bản chính văn bản giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.

**1.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

**1.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**: Ủy ban nhân dân Huyện.

**1.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép môi trường *(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*;

- Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.

**1.6. Phí, lệ phí:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

**1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- *Mẫu 01:* Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III *(mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);*

- *Mẫu 02:* Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III *(mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);*

- *Mẫu 03:* Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

**1.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Dự án đầu tư nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức;

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên.

**1.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 39, 40, 41, 43, 45, 46 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Điều 28, 29, 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

- Điều 18,19, 20, 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**1.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 1.2, 1.5;- Quyết định thành lập Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường;- Biên bản Tổ thẩm định, Biên bản kiểm tra;- Bản nhận xét của các thành viên Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra;- Phiếu đánh giá của các thành viên Tổ thẩm định;- Thông báo hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;- Văn bản trình UBND huyện cấp giấy phép môi trường;- Văn bản trả hồ sơ chưa đạt yêu cầu (nếu có). | Phòng Tài nguyên và Môi trường  | Trong năm giải quyết TTHC, sau đó chuyển về trung tâm lưu trữ của UBND huyện |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính. | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện |  |

**Mẫu 01**

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III**

 *(Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

**1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư**(1)    **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT****CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**của dự án đầu tư (2)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (\*)***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

*Địa danh (\*\*), tháng … năm …* |

***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

**2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III.**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

**DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên chủ dự án đầu tư: ………………………………………………..

- Địa chỉ văn phòng: ……………………………………………………….

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:……………………

- Điện thoại: …………………; Fax:……………; E-mail:..………………

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…..ngày……..của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên dự án đầu tư:………………………………………………………

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: ………………………………………..

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):……………………………………

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:…………………………………………..

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lực chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:…………………………

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:…………………………………………..

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:………………………….

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):……………

**Chương II**

**SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,**

**KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

**Chương III**

**HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

- Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;

- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có).

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

- Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.

- Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để làm rõ sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

**Chương IV**

**ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ**

**MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có).

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: Các công trình giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;

- Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

**Chương V**

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

**Chương VI**

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH**

**XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC**

**MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

**Chương VIII**

**CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;

- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.